TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17/10/2019.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị N và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được

Bà Thạch Thị Yến Linh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 295/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26/7/2019 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐST-HN, ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp N, xã M LN, huyện CN, tỉnh Trà Vinh; Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã MLN, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp N, xã MLN, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2011 đến năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã MLN, huyện CN, quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Thành T có 03 con chung tên Nguyễn Thành T,

sinh ngày 25/4/2012; Nguyễn Thành T, sinh ngày 29/01/2014; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2018 hiện chị đang nuôi dưỡng. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị và anh T không hợp nhau về tính tình và về kinh tế vợ chồng thường xuyên cải vả dù đã được cha mẹ hai bên khuyên can nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và chị và anh T đã ly thân tháng 5 năm 2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung tên: Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/4/2012; Nguyễn Thành T, sinh ngày 29/01/2014; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2018 hiện chị đang nuôi dưỡng chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Thành T: Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa cháu N*guyễn Thành T, sinh ngày 25/4/2012 ý kiến*: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của cháu được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Thành T, về con chung giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/4/2012; Nguyễn Thành T, sinh ngày 29/01/2014; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2018 anh Nguyễn Thành T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị N, về tài sản chung chị N không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, về số nợ phải thu, phải trả chị N không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét giải quyết, về án phí chị N phải chịu án phí hôn nhân và anh Nguyễn Thành T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét anh Nguyễn Thành T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của anh T theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị N khởi kiện anh T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh Nguyễn Thành T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng/người con và cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Thành T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2011 và đến năm 2013 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị N và anh T tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị N và anh T đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nức. Tại biên bản hòa giải và biên bản ghi lời khai cùng ngày 27/8/2019 anh T thống nhất quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị N khởi kiện là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng cải vả thường xuyên. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, trường hợp chị N cương quyết ly hôn về con chung Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/4/2012; Nguyễn Thành T, sinh ngày 29/01/2014; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2018 anh đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi anh không cấp dưỡng nuôi con về tài sản chung anh không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có anh không yêu cầu. Tòa án đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N và anh T không đoàn tụ được mạnh ai nấy sống không còn quan tâm với nhau, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin được ly hôn với anh T là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử cho chị N và anh T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/4/2012; Nguyễn Thành T, sinh ngày 29/01/2014; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2018 là con của chị

Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Thành T, trong thời gian vợ chồng ly thân, cháu T, cháu T và cháu T sống chung với chị N và các con được chị N nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu T được sống chung với chị N. Tại phiên tòa chị N xin được quyền nuôi dưỡng các con chung là phù hợp, để cháu T, cháu T và cháu T có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần Hội đồng xét xử giao cháu T, cháu T và cháu T cho chị Nguyễn Ngọc N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/người con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị N chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000 đồng/người con. Việc xin rút một phần về yêu cầu mức cấp dưỡng của chị N là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét yêu cầu của chị N về cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa hôm nay là phù hợp cần được chấp nhận, anh T là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 107, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thành T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Thành T được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Nguyễn Ngọc N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/4/2012; Nguyễn Thành T, sinh ngày 29/01/2014; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2016.

Anh Nguyễn Thành T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Thành T phải cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 25/4/2012; Nguyễn Thành T, sinh ngày 29/01/2014; Nguyễn Bảo T, sinh ngày 11/01/2018 mức cấp dưỡng 800.000đồng/người con/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng và cấp dưỡng cho đến khi con Nguyễn Thành T; Nguyễn Thành T; Nguyễn Bảo T đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Thành T không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Ngọc N và anh Nguyễn Thành T không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0005470, ngày 25/7/2019 do chị N nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Nguyễn Ngọc N đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Thành T nộp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Trà Vinh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã MLN, huyện CN, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Tranh